Chi tiết mã HS 8311.10.10

Mã HS	8311.10.10
Mô tả hàng hóa	Dây, que, ống, tấm, điện cực và các sản phẩm tương tự, bằng kim loại cơ bản hoặc carbua kim loại, được bọc, phủ hoặc có lõi bằng chất trợ dung, loại dùng để hàn xì, hàn hơi, hàn điện hoặc bằng cách ngưng tụ kim loại hoặc carbua kim loại; dây và que, từ bột kim loại cơ bản được kết tụ, sử dụng trong phun kim loại / - Điện cực bằng kim loại cơ bản, đã được phủ chất trợ dung, để hàn hồ quang điện: / - - Dạng cuộn
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 01:28:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/83111010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12690
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12690
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12690
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12060
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12003
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12003
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12003
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12003
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12003
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12003
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E12055
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12055
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12055
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12055

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12055
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12055
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12056
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12056
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12056
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12056
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12056
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12056
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12059
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12009
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12015
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12015
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12015
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12015
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12015
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12015
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12048
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12048
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12048
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12048
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12048
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12048
VCFTA	2022	2022	5	VC!D12093
VCFTA	2023	2023	3	VC!E12093
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12093
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12093

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12093
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12093
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12078
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12078
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12078
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12078
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12078
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12078
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D12078
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E12078
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F12078
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G12078
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H12078
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12078
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D12095
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E12095
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F12095
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12095
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12095
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12095
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D12094
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E12094
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F12094
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12094
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12094
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12094

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12041
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12041
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12041
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12041
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12041
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12041
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12041
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12078
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12078
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12078
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12078
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12078
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12078
RCEP B	2022	2022	0	B!D12078
RCEP B	2023	2023	0	B!E12078
RCEP B	2024	2024	0	B!F12078
RCEP B	2025	2025	0	B!G12078
RCEP B	2026	2026	0	B!H12078
RCEP B	2027	2027	0	B!I12078
RCEP C	2022	2022	0	C!D12078
RCEP C	2023	2023	0	C!E12078
RCEP C	2024	2024	0	C!F12078
RCEP C	2025	2025	0	C!G12078
RCEP C	2026	2026	0	C!H12078
RCEP C	2027	2027	0	C!I12078
RCEP D	2022	2022	0	D!D12077

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E12077
RCEP D	2024	2024	0	D!F12077
RCEP D	2025	2025	0	D!G12077
RCEP D	2026	2026	0	D!H12077
RCEP D	2027	2027	0	D!I12077
RCEP E	2022	2022	0	E!D12081
RCEP E	2023	2023	0	E!E12081
RCEP E	2024	2024	0	E!F12081
RCEP E	2025	2025	0	E!G12081
RCEP E	2026	2026	0	E!H12081
RCEP E	2027	2027	0	E!I12081
RCEP F	2022	2022	0	F!D12078
RCEP F	2023	2023	0	F!E12078
RCEP F	2024	2024	0	F!F12078
RCEP F	2025	2025	0	F!G12078
RCEP F	2026	2026	0	F!H12078
RCEP F	2027	2027	0	F!I12078
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F11164
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G11164
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H11164
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I11164

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8311.10 có 2 dòng thuế; dòng 8311.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng cuộn.	8311.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8311.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8311.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12690), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.